

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 05/7/2023.

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Hữu Chí

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thanh Phương

Ông Hoài Đức Huệ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngọc Thị Ngoan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Vân Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 441/2022/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 359/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023, Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 462/TB-TA ngày 30 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 516/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15/6/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Lê Thị H**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn H1, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1975

Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn H1, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H, anh Q vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:**

Chị và anh Nguyễn Văn Q cưới nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1 (nay là thị trấn H1) huyện N, tỉnh Đồng Nai năm 2003 (được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02, ngày 18/02/2023). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến thời gian gần đây thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa anh chị bất

đồng về quan điểm sống, lối sống và suy nghĩ, mỗi người có một định hướng riêng và không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù anh chị đã rất cố gắng để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Nay hôn nhân của chị và anh Q không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q. Trường hợp Tòa án không chấp nhận cho ly hôn thì chị cũng không thể chung sống với anh Q được nữa.

Con chung: có 02 con chung là Nguyễn Đức T, sinh năm 2003 và Nguyễn Ngọc Ánh D, sinh ngày 08/8/2009. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu T đã trưởng thành và có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: không có.

Chị H xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

*Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho bị đơn anh Nguyễn Văn Q nhưng anh Q không cung cấp bản khai và các tài liệu chứng cứ khác liên quan đến vụ án cho Tòa án mà chỉ trình bày tại Biên bản làm việc ngày 04/11/2022:*

Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình chung sống giữa anh và chị H có mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc nhưng do anh và chị H chưa thỏa thuận được nên chị H ly hôn anh, anh không có ý kiến gì.

Con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Đức T, sinh năm 2003 và Nguyễn Ngọc Ánh D, sinh ngày 08/8/2009. Hiện các con đều đã lớn nên con muốn ở với ai thì tùy các con anh không có ý kiến gì.

Tài sản chung: Anh khai sẽ thỏa thuận với chị H.

Nợ chung: Không có.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ, hòa giải, việc tuân theo pháp luật của đương sự và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn Q tự nguyện chung sống vào năm 2003, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là Nguyễn Đức T, sinh năm 2003 và Nguyễn Ngọc Ánh D, sinh ngày 08/8/2009. Nguyên nhân do mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc, bất đồng về quan

điểm sống và không tìm được tiếng nói chung. Nay chị H xin ly hôn, xin nuôi con chung, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con, đương sự khai tài sản chung: tự thỏa thuận, nợ chung không có. Xét yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 56, 58, 81 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Lê Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn Q, hiện anh Q đang sinh sống tại thị trấn H1, huyện N, tỉnh Đồng Nai, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện N thụ lý là đúng theo quy định tại khoản 5, Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan hệ pháp luật được xác định “Tranh chấp ly hôn”. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là chị Lê Thị H, bị đơn là anh Nguyễn Văn Q.

Nguyên đơn chị Lê Thị H vắng mặt nhưng có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H, anh Q.

[2] Về hôn nhân: Chị H và anh Q trên cơ sở thương yêu nhau, tự nguyện xây dựng gia đình vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1 (nay là thị trấn H1) huyện N, tỉnh Đồng Nai năm 2003 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị H nộp đơn xin ly hôn anh Q. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mời anh Q tham gia phiên hòa giải để Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng anh Q không đến tham gia phiên hòa giải, từ đó cho thấy anh Q không có thiện chí đoàn tụ. Theo biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh Q do UBND thị trấn H1 cung cấp giữa chị H và anh Q có xảy ra mâu thuẫn hay không địa phương không nắm được do chị H và anh Q không trình báo với địa phương mà nộp đơn trực tiếp đến Tòa án để giải quyết. Theo lời khai của chị H và anh Q thì giữa anh chị có xảy ra mâu thuẫn nên vợ chồng đã tự sống ly thân, không có bàn bạc đoàn tụ chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên việc chị H xin ly hôn anh Q là chính đáng nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị H và anh Q khai có 02 con chung là Nguyễn Đức T, sinh năm 2003 và Nguyễn Ngọc Ánh D, sinh ngày 08/8/2009. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu T đã trưởng thành và có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với anh Q thì anh Q không có ý kiến gì về việc nuôi con cùng nhưng HĐXX xét thấy tại bản khai ngày 02/11/2022 cháu D có nguyện vọng muốn được sống cùng mẹ

nên để đảm bảo cuộc sống ổn định cho con chung; Hội đồng xét xử xử giao con chung cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình.

[4] Về tài sản chung: Đương sự khai tự thỏa thuận nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét.

[6] Về án phí: chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về thủ tục tố tụng và đường lối giải quyết vụ án là có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 227, 228, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 9, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Lê Thị H.

Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Ánh D, sinh ngày 08/8/2009 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; tạm thời anh Q không cấp dưỡng nuôi con.

anh Q được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Đương sự khai tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về nợ chung: đương sự khai không có nên không xem xét.

Về án phí: chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Hường đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0008366 ngày 04/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị H đã nộp đủ.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Dương Hữu Chí**